CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2

Ngày 30/09/2025	8,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.8%	**9.2%**	**-4.6%**

DT thuần
Q3/25
217
tỷ VNĐ
QoQ: ▼50.0| -18.8%
YoY: ▼106| -32.9%

LN thuần
Q3/25
2.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.70| -47.7%
YoY: ▼1.62| -35.4%

LN sau thuế
Q3/25
2.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.78| -40.8%
YoY: ▼3.10| -54.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.3%
YoY: +/-▼ 2.3%

ROE (TTM)
Q3/25
3.8%
YoY: +/-▼ 0.3%

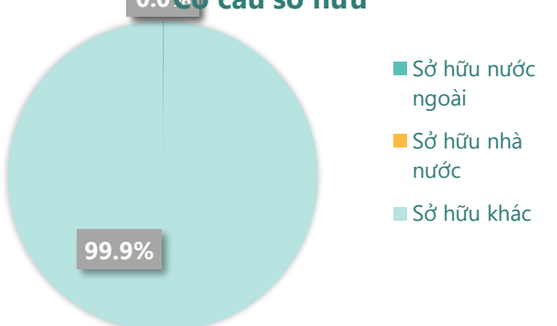
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	571
Số lượng CPLH (CP)	68,769,410
KLGD BQ 20 phiên (CP)	213,160
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.36
EPS	518
P/E	16.0

DT thuần
9T 2025
709
tỷ VNĐ
YoY: ▼128| -15.3%

LN thuần
9T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.60| -21.0%

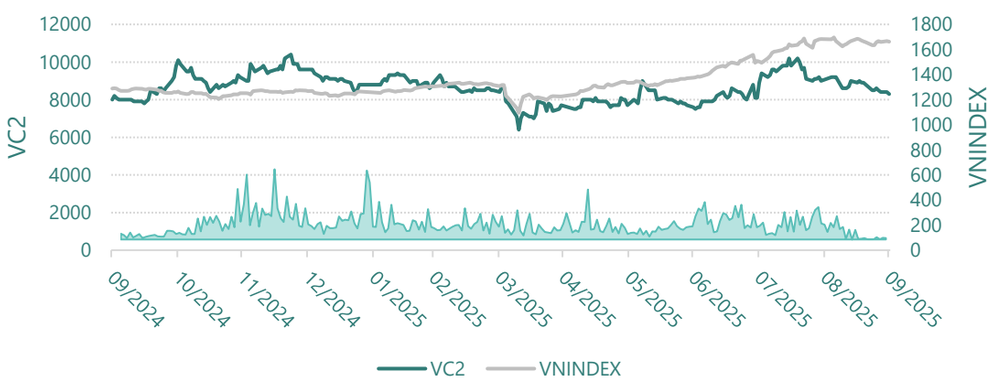
LN sau thuế
9T 2025
10.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼19.8| -64.8%

Cơ cấu sở hữu

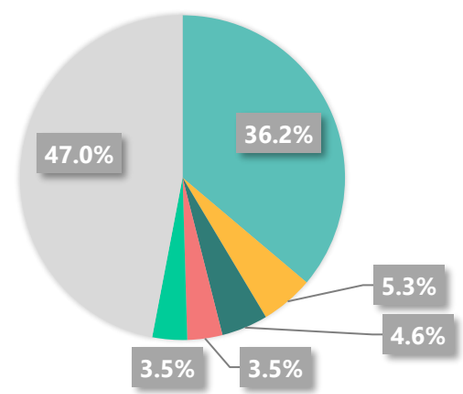


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



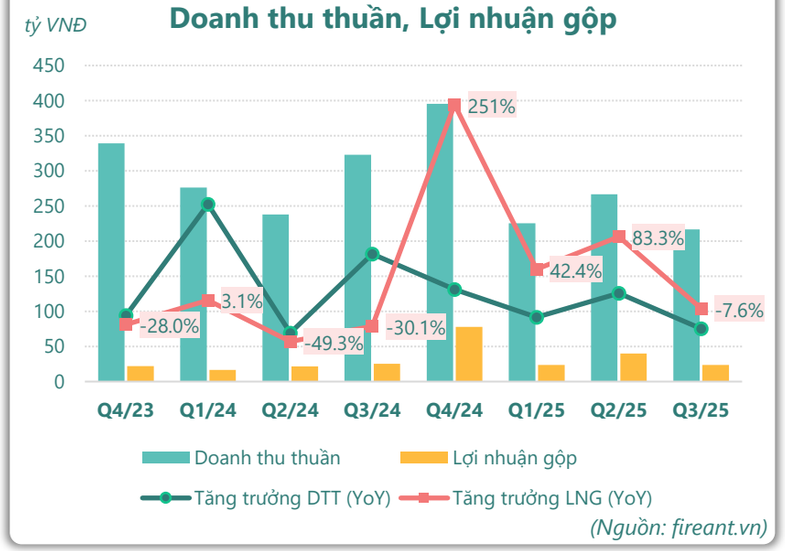
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

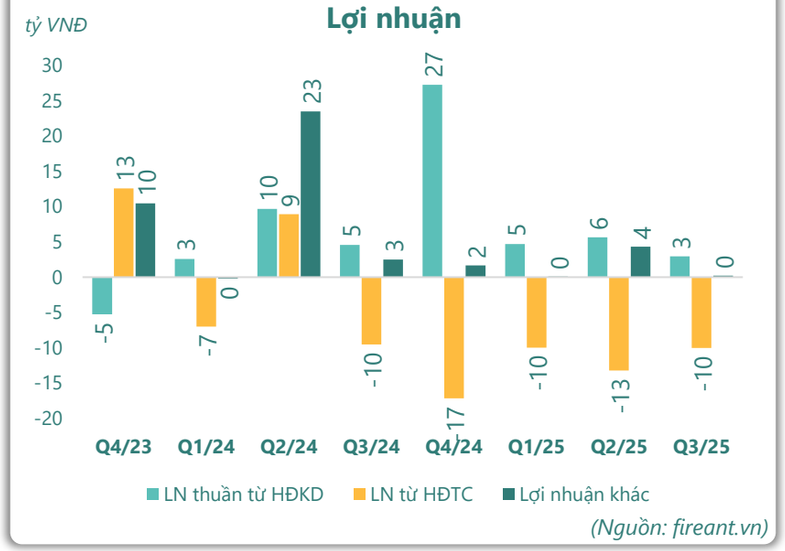
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



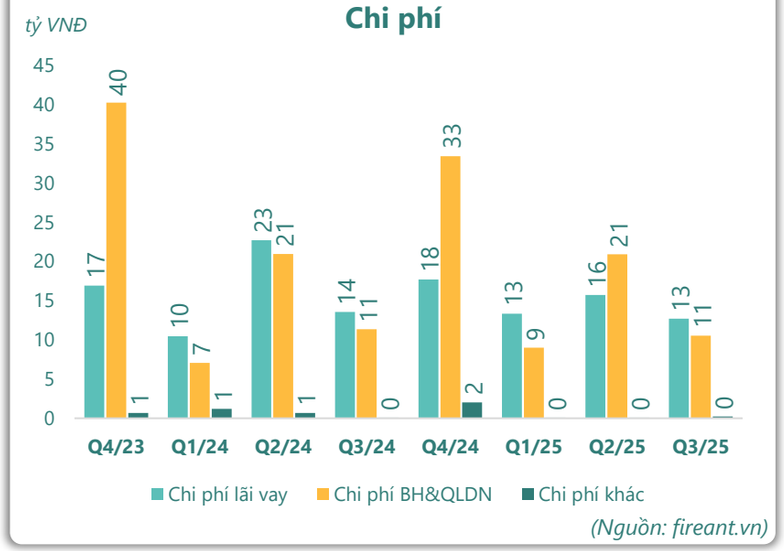
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



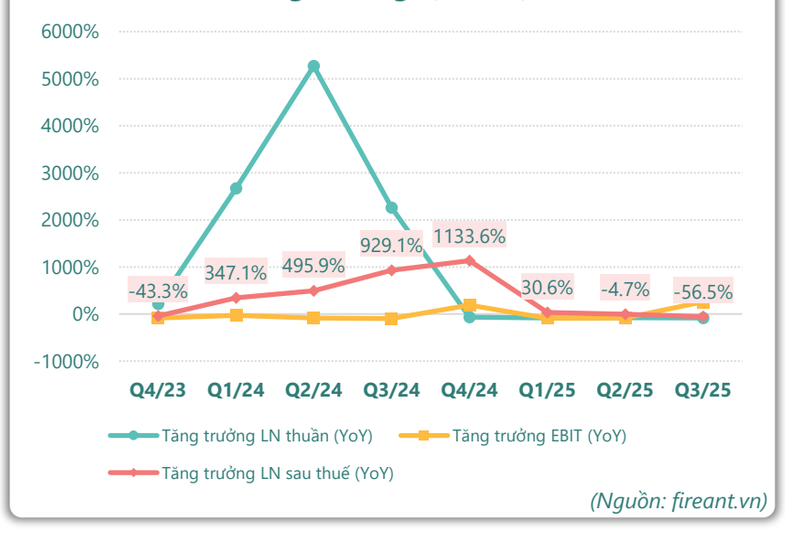
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



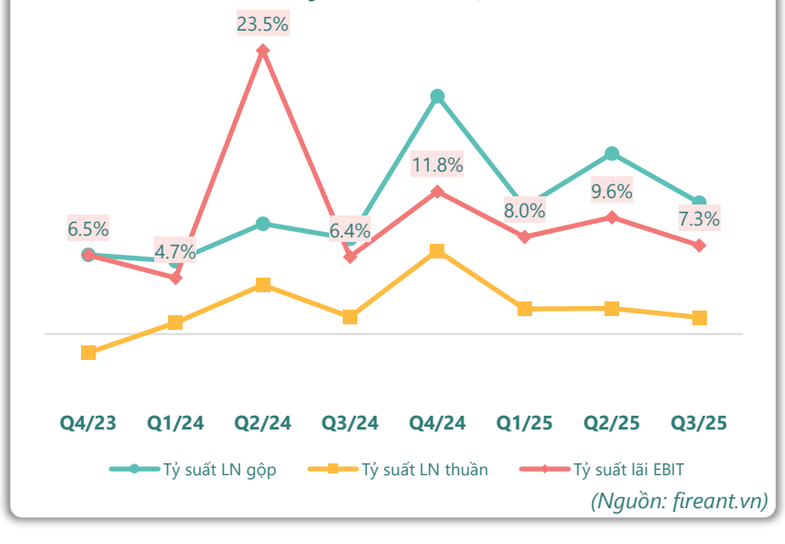
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

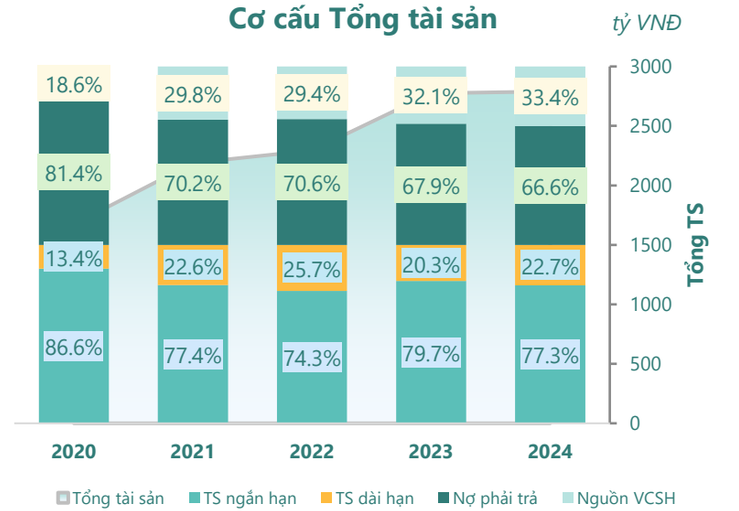
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

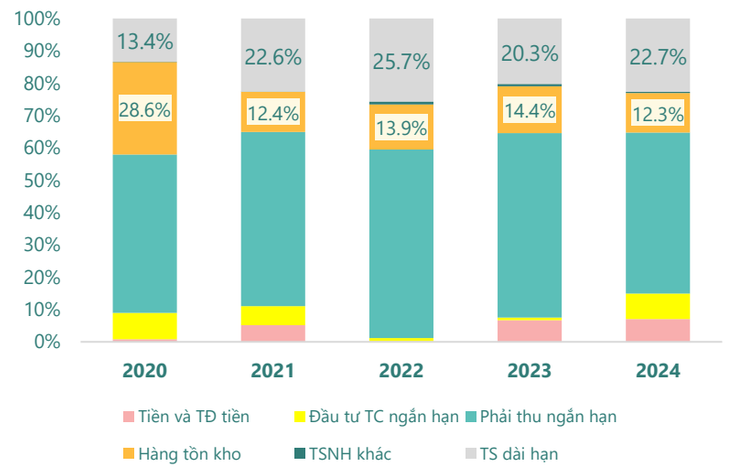
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



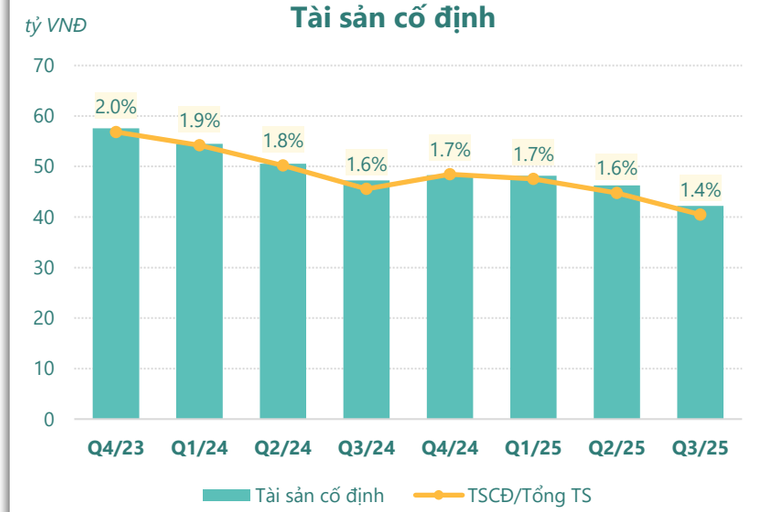
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



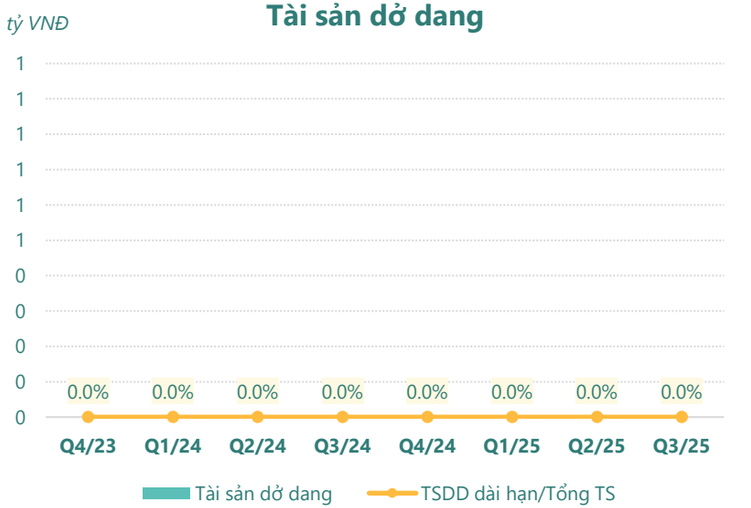
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



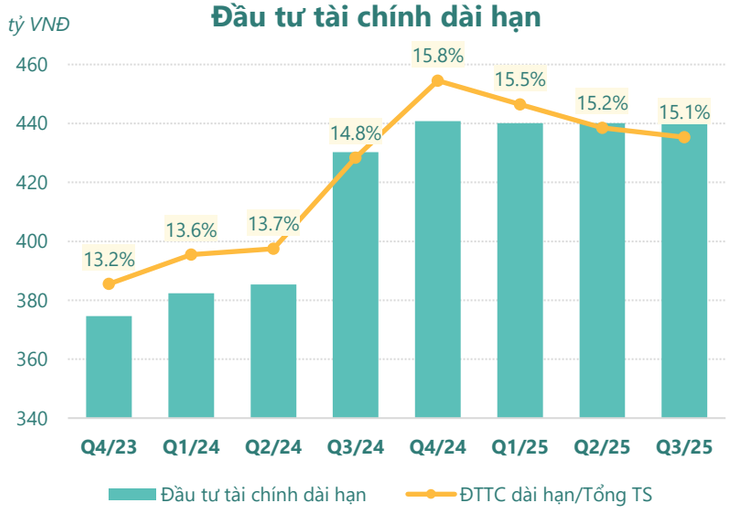
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



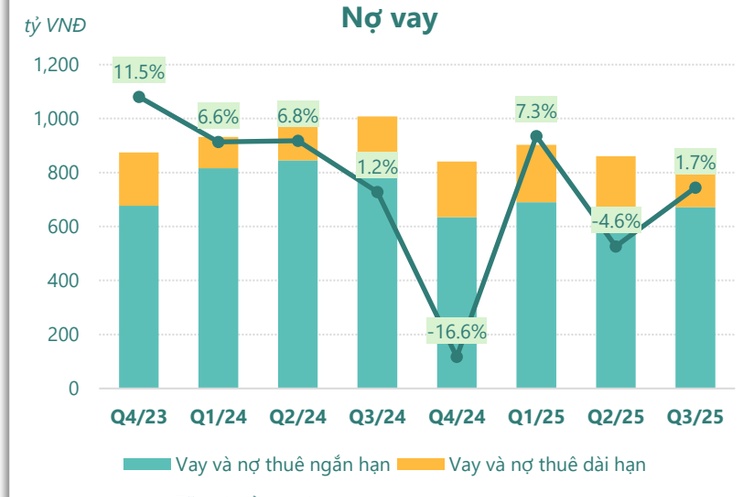
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

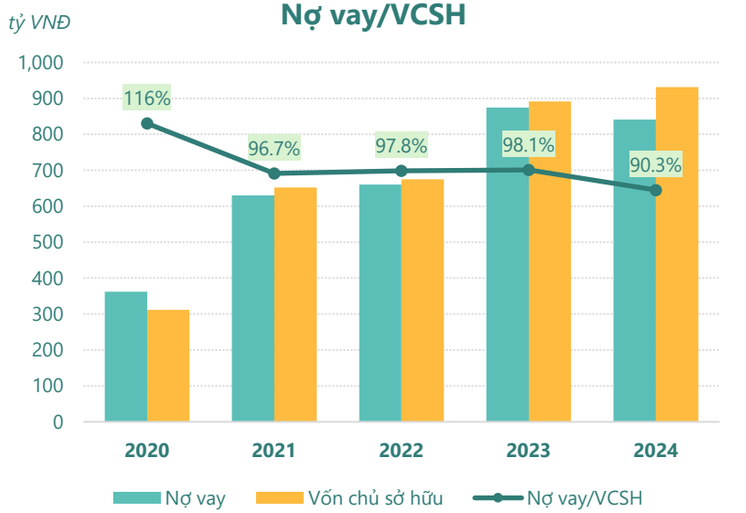
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



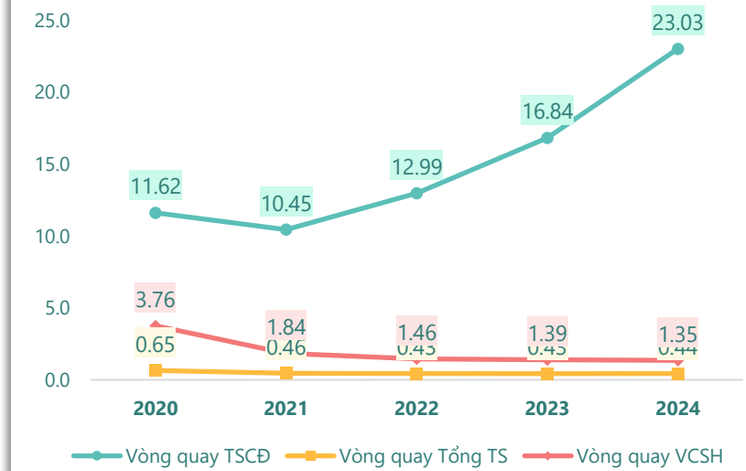
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



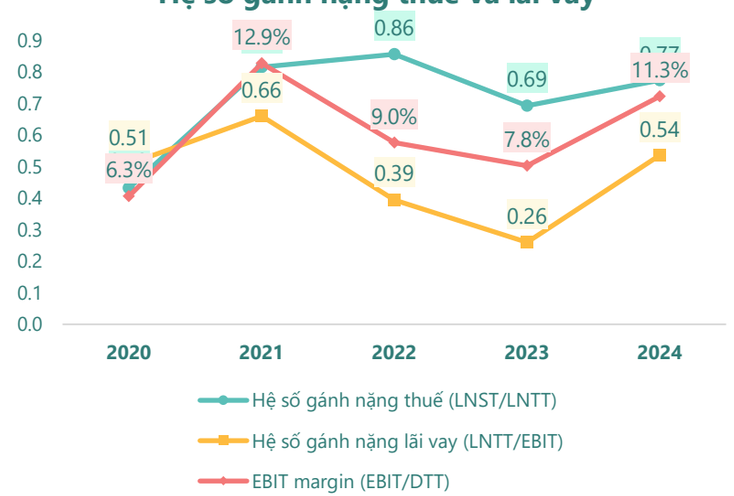
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



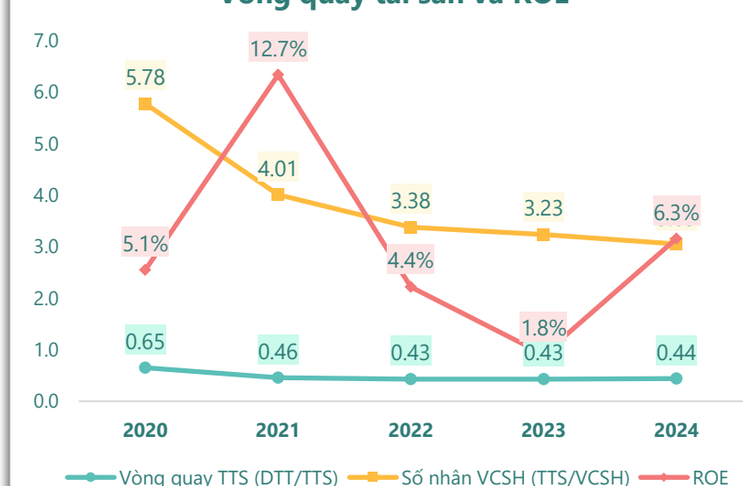
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



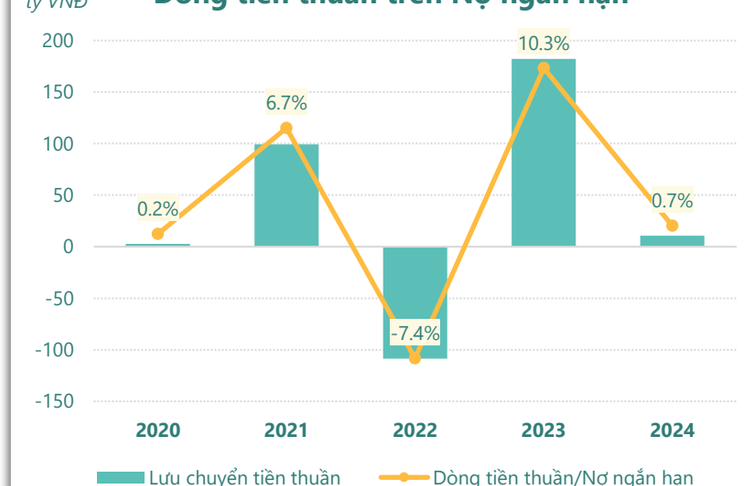
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**217**	**323**	**-32.9%**	**709**	**837**	**-15.3%**
Giá vốn hàng bán	193	297	-34.9%	622	774	-19.6%
Lợi nhuận gộp	23.5	25.4	-7.4%	87.0	63.8	36.4%
Doanh thu HĐTC	2.69	4.02	-33.0%	8.56	39.3	-78.2%
Chi phí TC	12.7	13.5	-5.8%	41.8	46.9	-10.8%
Chi phí lãi vay	12.7	13.5	-5.8%	41.8	46.7	-10.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0.00**	**-100%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		1.50	0	
Chi phí QLDN	**10.5**	**11.3**	**-6.7%**	**39.0**	**39.4**	**-1.0%**
LN thuần từ HĐKD	2.96	4.58	-35.4%	13.3	16.9	-21.0%
Lợi nhuận khác	**0.23**	**2.51**	**-90.9%**	**4.65**	**25.8**	**-82.0%**
LN trước thuế	3.19	7.10	-55.1%	18.0	42.6	-57.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.57**	**5.67**	**-54.6%**	**10.7**	**30.5**	**-64.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.54**	**5.50**	**-53.8%**	**10.7**	**30.4**	**-64.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	344	-158	324	-111	-94.1	-43.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-215	-64.3	17.0	5.24	27.9	8.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	73.6	28.1	-168	-63.3	82.8	14.8
Tiền đầu kỳ	14.7	218	24.2	197	28.4	45.0
Lưu chuyển tiền thuần	**203**	**-194**	**173**	**-169**	**16.6**	**-20.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	218	24.2	197	28.4	45.0	24.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,919**	**2,790**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,295	2,157	6.4%
Tiền và tương đương tiền	24.1	197	-87.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	222	220	1.0%
Phải thu ngắn hạn	1,608	1,387	16.0%
Hàng tồn kho	417	342	21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	23.0	10.5	118%
Tài sản dài hạn	**624**	**632**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	42.2	49.5	-14.7%
Bất động sản đầu tư	139	140	-0.2%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	440	440	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.74**	**3.14**	**-12.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,982	1,859	6.6%
Nợ ngắn hạn	**1,621**	**1,495**	**8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	672	635	5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	354	369	-4.1%
Nợ dài hạn	360	364	-1.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	203	206	-1.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**937**	**931**	**0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**937**	**931**	**0.7%**
Vốn điều lệ	688	688	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)